

Số: /KH-UBND

An Giang, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh An Giang

Thực hiện Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 (viết gọn là Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh An Giang, như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Bám sát các văn bản chỉ đạo của Trung ương và Chính phủ, tiếp tục kế thừa, phát huy hiệu quả các kết quả tích cực từ Đề án 06 giai đoạn 2022 - 2025; đồng thời, khắc phục những tồn tại, hạn chế, đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

2. Bám sát định hướng của Trung ương, các Chiến lược phát triển kinh tế số, Chiến lược dữ liệu quốc gia, Chiến lược an ninh mạng và các văn bản chỉ đạo, chương trình, đề án quốc gia khác liên quan, vận hành Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030 bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực chất.

3. Xác định dữ liệu dân cư, căn cước là dữ liệu tài nguyên gốc; tài khoản định danh, thẻ căn cước là công cụ số, là chìa khóa cho chuyển đổi số quốc gia; việc khai thác, ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số quốc gia.

4. Lấy người dân và doanh nghiệp là trung tâm, mục tiêu, chủ thể, nguồn lực, động lực của chuyển đổi số. Mọi giải pháp, nền tảng, dịch vụ số cần hướng tới thuận tiện, dễ tiếp cận, an toàn, góp phần nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp; thúc đẩy phát triển công dân số, huy động “mỗi người dân là một chiến sĩ trên mặt trận chuyển đổi số”, góp phần thúc đẩy Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

5. Đầu tư phát triển hạ tầng số hiện đại, an toàn, liên thông, đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, phù hợp xu hướng phát triển công nghệ mới. Ưu

tiên nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ hiện đại do Việt Nam làm chủ như AI, Blockchain, điện toán đám mây trong phát triển và quản lý nền tảng số, đặc biệt là các dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

6. Khai thác, kết nối và sử dụng dữ liệu dân cư phải đi đôi với bảo vệ an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Mọi hoạt động sử dụng dữ liệu phải minh bạch, tuân thủ pháp luật, gắn với trách nhiệm giải trình của cơ quan Nhà nước, mọi vi phạm phải được xử lý nghiêm minh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Thúc đẩy phát triển, ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử mạnh mẽ, toàn diện, sâu rộng trong mọi lĩnh vực để thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, phục vụ hiệu quả các trụ cột Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số góp phần thực hiện thành công các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Kế hoạch 01-KH/BCĐTW, ngày 02/6/2025 về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện, Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

b) Đến năm 2030, hoàn thiện các nền tảng, tiện ích cốt lõi của Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, đảm bảo người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng dịch vụ số thuận tiện, nhanh chóng, an toàn, không còn rào cản về giấy tờ, thủ tục hành chính (*sau đây viết gọn là TTHC*) theo địa giới hành chính. Xây dựng thành công hệ sinh thái dữ liệu dân cư quốc gia kết nối liên thông đa ngành, dữ liệu “Đúng, Đủ, Sạch, Sống, Thống nhất, Dùng chung” được khai thác hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030

Tập trung triển khai 06 nhóm mục tiêu cụ thể như sau: ⁽¹⁾ Phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và đổi mới sáng tạo chỉ đạo, điều hành; ⁽²⁾ Thúc đẩy phát triển kinh tế số - xã hội số; ⁽³⁾ Phục vụ phát triển công dân số; ⁽⁴⁾ Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai

thác, bổ sung làm giàu dữ liệu; ⁽⁵⁾ Đảm bảo an sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; ⁽⁶⁾ Phục vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo.

(Theo chi tiết các chỉ tiêu và nội dung thực hiện tại Phụ lục I kèm theo)

b) Tầm nhìn đến năm 2035

Mọi giao dịch giữa người dân và chính quyền đều được thực hiện trên môi trường số. Các cơ sở dữ liệu quốc gia, với dữ liệu dân cư là hạt nhân, được kết nối, chia sẻ và sử dụng hiệu quả để phục vụ xây dựng Chính phủ thông minh, cho phép ra quyết định trên cơ sở dữ liệu thời gian thực. Người dân được thụ hưởng các dịch vụ số được cá nhân hóa, tự động, thuận tiện theo từng sự kiện cuộc đời. Dữ liệu và công nghệ số được ứng dụng sâu rộng trong mọi lĩnh vực: y tế, giáo dục, giao thông, nông nghiệp, tư pháp, an ninh... Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng cao nhờ các tiện ích số; văn hóa số, kỹ năng số trở thành phổ cập trong xã hội.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư

- Tham mưu sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản luật để tháo gỡ các điểm nghẽn, cơ chế thúc đẩy, giám sát trong công tác quản lý nhà nước và phục vụ phát triển công dân số, xã hội số, kinh tế số, chính phủ số.

- Tham mưu sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật quy định về thúc đẩy, tạo lập, khai thác và sử dụng dữ liệu; ứng dụng dữ liệu trong giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến và phát triển kinh tế xã hội; phòng ngừa và xử phạt các hành vi vi phạm trong lĩnh vực dữ liệu; các văn bản hướng dẫn bảo vệ an ninh dữ liệu bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Triển khai nội dung hướng dẫn kỹ thuật, kiến trúc thống nhất về các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, trong đó, tích hợp, sử dụng một tài khoản duy nhất đăng nhập một lần truy cập xuyên suốt các phần mềm, hệ thống.

2. Phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Tập trung thực hiện việc tái cấu trúc, cắt giảm thành phần hồ sơ, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu thuộc chức năng, thẩm quyền của đơn vị, địa phương, trong đó: Thực hiện công bố thông tin có trong các cơ sở dữ liệu; xây dựng từ điển dữ liệu dùng chung, Cổng dịch vụ công quốc gia mô hình giải quyết TTHC tập trung, thống nhất.

- Triển khai các sáng kiến, mở rộng các hình thức tiếp cận và sử dụng dịch vụ công, TTHC để tạo thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cung cấp số liệu về kết quả cắt giảm, đơn giản hóa TTHC của các bộ, ngành, địa phương cho các cơ quan truyền thông để công bố, công khai trên các phương tiện truyền thông.

3. Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

- Phối hợp triển khai xây dựng các không gian thử nghiệm thực tế (sandbox) để cung cấp môi trường thử nghiệm, nghiên cứu, đánh giá, sản phẩm, giải pháp mới, giao diện lập trình ứng dụng (API) và bộ dữ liệu mở, ẩn danh về dân cư, căn cước, định danh.

- Triển khai thúc đẩy sử dụng tài khoản định danh điện tử trong các giao dịch, thủ tục; ban hành các danh mục sản phẩm dịch vụ, các mô hình ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh điện tử, đặc biệt các nhóm ngành tác động đến kinh tế số trong các lĩnh vực như: Tài chính, ngân hàng, nông nghiệp và môi trường, y tế, giáo dục, du lịch, logistics và thương mại điện tử.

- Nghiên cứu triển khai các giải pháp phục vụ xây dựng “Bản sao số”, “Mô hình địa điểm số” kết nối, ứng dụng Cơ sở dữ liệu địa điểm, dữ liệu dân cư và danh tính điện tử, gắn với dữ liệu khác.

4. Phục vụ phát triển công dân số

- Tập trung triển khai các giải pháp để công dân thực hiện các quyền và nghĩa vụ trên môi trường số như: Lấy ý kiến Nhân dân về các dự thảo luật, pháp lệnh, văn bản quy phạm pháp luật được đăng tải; quản lý khai thác, chia sẻ và giám sát việc khai thác, sử dụng dữ liệu công dân; xây dựng ứng dụng VNeID thành nền tảng số quốc gia đa tiện ích phục vụ chuyển đổi số, phát triển công dân số: ⁽¹⁾ Lưu trữ dữ liệu số của công dân; ⁽²⁾ Định danh xác thực điện tử; ⁽³⁾ Thực hiện dịch vụ công trực tuyến và giải quyết TTHC; ⁽⁴⁾ Liên kết tài khoản thanh toán, ví điện tử, thẻ ngân hàng, dịch vụ tiền di động trên ứng dụng VNeID để thực hiện thanh toán, chi trả an sinh xã hội; ⁽⁵⁾ Là kênh giao tiếp chính thức, đảm bảo an toàn, bảo mật, hiệu quả giữa người dân với Nhà nước, người dân với doanh nghiệp, người dân với người dân.

- Hoàn thiện việc tạo lập ví giấy tờ của công dân, tổ chức trên VNeID, tạo lập kho dữ liệu của công dân, tổ chức trên môi trường số theo quy định.

- Xây dựng các nền tảng số, cung cấp các tiện ích để thúc đẩy công dân thực hiện trên môi trường số; hoàn thiện các công cụ số cho công dân như: Tài khoản định danh điện tử, căn cước, chữ ký số, tài khoản thanh toán...

- Triển khai các cơ chế khuyến khích đối với công dân khi thực hiện dịch vụ số, TTHC trực tuyến theo quy định.

- Đẩy mạnh tuyên truyền về kỹ năng số của công dân, xây dựng chương trình đào tạo năng lực số theo các cấp độ phù hợp với từng nhóm đối tượng; đồng

thời, tích hợp nội dung giáo dục công dân số vào chương trình giáo dục chính quy các cấp học, bậc học và chương trình giáo dục chính trị, tư tưởng trong hệ thống chính trị, bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả và khả thi; triển khai các khóa đào tạo công dân số trên nền tảng “Bình dân học vụ số”; triển khai các Tổ Công nghệ số cộng đồng, mạng lưới đại sứ số, mô hình chợ số - nông thôn số.

5. Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu

- Phối hợp triển khai xây dựng, đưa vào sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành theo các văn bản chỉ đạo của Chính phủ; đồng bộ về Trung tâm dữ liệu quốc gia để xây dựng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, phục vụ khai thác sử dụng cắt giảm, thay thế thành phần hồ sơ TTHC; triển khai kiến trúc dữ liệu của tỉnh bám sát Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia.

- Nghiên cứu đóng góp đối với đề xuất nâng cấp hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đáp ứng lưu trữ dữ liệu phục vụ quản lý dân cư, cư trú trong tình hình mới; công tác kết nối, đồng bộ dữ liệu về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ phân tích chỉ đạo điều hành và tích hợp trên VNeID theo quy định.

- Nghiên cứu đóng góp đối với đề xuất triển khai xây dựng các nền tảng chuỗi khối quốc gia, định danh phi tập trung quốc gia, định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, hệ thống lưu trữ, giao kết, xác nhận giao dịch điện tử qua nền tảng VNeID, nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.

- Phối hợp triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị được thực hiện thống nhất thông qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu (NDOP).

6. Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành

- Nghiên cứu rà soát mô hình quản trị thông minh, xây dựng, hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của tỉnh kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- Triển khai các hệ thống giám sát dịch vụ công, cắt giảm TTHC và chỉ số điều hành, phân tích, đo lường hiệu quả kinh tế số và sức khỏe doanh nghiệp gắn với Đề án 06; đo lường mức độ phát triển công dân số; các mô hình dự báo biến động dân số, di cư, nhu cầu dịch vụ công dựa trên dữ liệu thực tế.

- Triển khai nâng cấp Bản đồ số dân cư, xây dựng trợ lý ảo, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp.

7. An sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội

- Đẩy mạnh việc tích hợp, sử dụng tài khoản an sinh xã hội, triển khai hệ thống phục vụ chi trả an sinh xã hội, nền tảng thiện nguyện, nền tảng hiến máu

quốc gia và các hệ thống, nền tảng an sinh khác dựa trên dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử.

- Triển khai các giải pháp về xác thực thông tin thuê bao di động với dữ liệu dân cư, căn cước, tài khoản định danh điện tử để phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

- Triển khai các công cụ phân tích mối quan hệ gia đình, xã hội trong dữ liệu dân cư để phục vụ điều tra, phòng ngừa tội phạm; tích hợp dữ liệu dân cư với cơ sở dữ liệu ADN, căn cước, hồ sơ vụ án; triển khai các giải pháp cảnh báo sớm, thông tin tài khoản phạm tội, phòng, chống lừa đảo, rò rỉ dữ liệu.

8. Bảo đảm an ninh mạng

- Nghiên cứu đề xuất triển khai Trung tâm giám sát an ninh mạng, an ninh dữ liệu gắn với các Trung tâm dữ liệu và hệ thống của cơ quan nhà nước; rà soát, triển khai các giải pháp đảm bảo an ninh dữ liệu, bảo mật thiết bị đầu cuối.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an ninh mạng của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức chủ quản các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nhà nước có kết nối, khai thác dịch vụ dữ liệu dân cư và định danh - xác thực điện tử.

9. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, đo lường và đánh giá triển khai

- Thanh tra, kiểm tra việc kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu liên quan đến dữ liệu dân cư tại địa phương, đảm bảo sử dụng đúng mục đích và đúng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước.

- Thanh tra công vụ, kiểm tra đối với cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công.

- Thanh tra, kiểm tra việc kết nối, chia sẻ dữ liệu liên quan đến dữ liệu dân cư tại địa phương, đảm bảo tuân thủ quy định về bảo mật và khai thác dữ liệu.

- Đánh giá mức độ hài lòng trong giải quyết TTHC, kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp trên ứng dụng VNeID và đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao dựa trên kết quả chấm điểm trên phần mềm theo dõi giám sát Đề án 06 (dean06.vn) để đánh giá tại các cuộc họp Tổ Công tác Đề án 06 định kỳ hàng tháng.

(Theo chi tiết các nhiệm vụ, giải pháp Phụ lục II kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chương trình do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã lập dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch và tổng hợp chung vào dự toán của

bộ, ngành, địa phương mình đề trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ ưu tiên thẩm định, bố trí kinh phí giao các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Trưởng Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh chỉ đạo, điều hành toàn diện hoạt động của Kế hoạch thực hiện Đề án 06 trong giai đoạn 2026 - 2030.

2. Các đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Phó trưởng Ban Chỉ đạo giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được quy định tại Kế hoạch này.

3. Tổ Công tác triển khai Đề án 06; cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 tỉnh (viết gọn là Tổ Công tác Đề án 06 tỉnh):

Trực tiếp làm việc với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã để đôn đốc, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch. Định kỳ hàng tháng, đột xuất báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Đồng thời, thành lập Bộ phận giúp việc Tổ Công tác để theo dõi, đôn đốc và tổng hợp, đánh giá, tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch. Kinh phí hoạt động của Tổ Công tác được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Công an tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

4. Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện; kết quả triển khai Kế hoạch là một trong những căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu.

b) Trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Kế hoạch và các nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục II, các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện tại đơn vị, địa phương; gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Công an tỉnh và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh*) để theo dõi, phối hợp.

c) Chủ động đề xuất, bố trí kinh phí, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

d) Phối hợp triển khai xây dựng các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm đồng bộ, kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Hệ thống định danh - xác thực điện tử.

đ) Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân trên địa bàn sử dụng các tiện ích của Đề án 06, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng.

e) Có trách nhiệm tự tổ chức kiểm tra, thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước được giao đối với việc triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vi phạm theo thẩm quyền. Đối với các nội dung thanh tra, kiểm tra mang tính liên ngành, thanh tra công vụ và đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch thực hiện theo quy định hiện hành.

g) Chủ động nghiên cứu, đề xuất triển khai các mô hình ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh điện tử theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

h) Đánh giá mức độ hài lòng trong giải quyết TTHC, kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp trên ứng dụng VNeID và đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao dựa trên kết quả chấm điểm trên phần mềm theo dõi giám sát Đề án 06 (dean06.vn) để đánh giá tại các cuộc họp Tổ Công tác định kỳ hàng tháng.

i) Định kỳ **trước ngày 12 hằng tháng** báo cáo tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Công an tỉnh và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh*) để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo.

5. Công an tỉnh

a) Là cơ quan thường trực tổ chức thực hiện Kế hoạch; chịu trách nhiệm vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử; bảo đảm an ninh, an toàn, tính sẵn sàng cao của các hệ thống phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu.

b) Chủ trì xây dựng, quản lý và tổ chức vận hành Trung tâm dữ liệu tỉnh theo quy định của pháp luật; bảo đảm yêu cầu kỹ thuật và an ninh, an toàn.

c) Phối hợp với Bộ Công an trong hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật trong kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan Thanh tra, kiểm tra tại cấp tỉnh tổ chức thanh tra, kiểm tra việc triển khai Kế hoạch; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

đ) Tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch đối với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại các cuộc họp Ủy ban nhân dân tỉnh và họp Tổ Công tác Đề án 06 tỉnh; đề xuất

khen thưởng hoặc kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân triển khai chậm, không đạt yêu cầu.

6. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Phối hợp với Công an tỉnh tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch; phối hợp, tham mưu đề xuất khen thưởng kịp thời tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đồng thời phê bình những đơn vị chậm trễ, chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp Công an tỉnh triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ liên quan đến dữ liệu dân cư, định danh điện tử trong khuôn khổ các chương trình khoa học công nghệ trọng điểm quốc gia theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Triển khai thực hiện đánh giá xếp hạng mức độ chuyển đổi số hàng năm của tỉnh và cấp xã.

8. Sở Tài chính

a) Bảo đảm bố trí ngân sách nhà nước đầy đủ, kịp thời cho các nhiệm vụ, dự án triển khai Kế hoạch. Ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển Trung tâm dữ liệu tỉnh.

b) Đưa các dự án về dữ liệu, chuyển đổi số vào kế hoạch đầu tư công trung hạn, dài hạn.

c) Phối hợp Bộ Tài chính, các sở, ngành liên quan thực hiện công tác cập nhật, làm sạch, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu tài chính trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

d) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh rà soát, xây dựng cơ chế tài chính cho khai thác dữ liệu để hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo về dữ liệu theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

đ) Kiểm tra, giám sát việc sử dụng ngân sách cho các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch, đảm bảo hiệu quả và tránh lãng phí.

9. Sở Y tế

Phối hợp triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Y tế để kết nối, chia sẻ dữ liệu trong toàn bộ hệ thống chính trị theo Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025; đồng thời, yêu cầu các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu để triển khai Sổ sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại trên ứng dụng định danh quốc gia VNeID.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo để kết nối, chia sẻ dữ liệu trong toàn bộ hệ thống chính trị theo Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025; phối hợp Bộ Công an triển khai tích hợp văn bản, chứng chỉ trên ứng dụng định danh quốc gia VNeID; tích hợp nội dung giáo dục công dân số vào chương trình giáo dục chính quy các cấp học, bậc học.

11. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 15

a) Chủ trì, phối hợp Công an tỉnh trong công tác xác thực, làm sạch dữ liệu khách hàng vay.

b) Chỉ đạo các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng ứng dụng mạnh mẽ định danh điện tử trong dịch vụ khách hàng. Triển khai các giải pháp an ninh để phòng chống tội phạm công nghệ cao trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, bảo đảm giao dịch trực tuyến an toàn cho người dân.

12. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh: Phối hợp nghiên cứu triển khai Đề án 06 trong hoạt động của tòa án; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu bản án, quyết định và các dữ liệu khác với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định; cập nhật tình hình triển khai Đề án trong hoạt động của tòa án.

Trên đây là Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ. Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện nghiêm túc./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên TCTĐA06 tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, ntgiang.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Văn Mừng